

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp khẩn cấp cần khắc phục ngay hậu quả vi phạm (sau đây gọi chung là cưỡng chế), chi phí cưỡng chế, trách nhiệm thi hành và bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế.

Đối với việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế, trường hợp Luật Quản lý thuế và các Nghị định quy định chi tiết Luật này có quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam mà không tự nguyện

chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Người có thẩm quyền, cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành cưỡng chế và tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thi hành cưỡng chế.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của người có thẩm quyền quy định tại Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế trên cơ sở theo dõi, đôn đốc hoặc đề xuất của người có thẩm quyền xử phạt.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính nếu việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế không đủ để bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế. Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế cụ thể phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.

3. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và cá nhân, tổ chức khác có liên quan trong cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nguồn tiền khấu trừ và tài sản kê biên đối với tổ chức, hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác, cộng đồng dân cư bị áp dụng biện pháp cưỡng chế

1. Đối với tổ chức là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập không có thu được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền và trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế thì phải tự bảo đảm nguồn tiền để thi hành quyết định cưỡng chế, không được sử dụng tiền ngân sách nhà nước hoặc tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

2. Đối với tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này có thu hoặc được tổ chức các hoạt động có thu theo quy định của pháp luật, khi bị khấu trừ tiền, kê biên tài sản và trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế thì lấy từ nguồn thu và tài sản do các hoạt động này mang lại.

3. Đối với tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản của tổ chức, quỹ đó.

4. Đối với doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản hoặc thu nhập bằng tiền, tài sản của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã đó.

5. Đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản chung của hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác; trường hợp tài sản chung không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản của các thành viên trong hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác hoặc pháp luật có liên quan quy định khác.

6. Đối với cộng đồng dân cư thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản chung của cộng đồng dân cư.

Điều 5. Lập biên bản việc cá nhân, tổ chức bị xử phạt không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, không hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

1. Trong quá trình theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà phát hiện cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính khi đã hết thời hạn thi hành, không hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, kể từ ngày hết thời hạn thi hành được nêu trong quyết định thì đại diện cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt hoặc người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để tổ chức thi hành tiến hành lập biên bản về việc cá nhân, tổ chức vi phạm không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả với sự chứng kiến của cá nhân vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm.

Trường hợp cá nhân vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký, không điểm chỉ vào biên bản hoặc có mặt nhưng từ chối ký, từ chối điểm chỉ vào biên bản thì phải có chữ ký của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản hoặc có ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc tổ chức, cá nhân vi phạm không ký vào biên bản.

Biên bản được lập trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện một trong các hành vi quy định tại khoản này.

2. Biên bản phải ghi rõ thời gian cụ thể về giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; căn cứ lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; tên, địa chỉ, kết quả chấp hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của tổ chức, cá nhân vi phạm; ý kiến của tổ chức, cá nhân vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

3. Biên bản nêu tại khoản 1 Điều này là căn cứ để xác định đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính cố tình trốn tránh, trì hoãn việc chấp hành quyết định xử phạt đã có hiệu lực, là một trong những căn cứ để người có thẩm quyền xác định thời hiệu thi hành quyết định xử phạt và ra quyết định cưỡng chế.

Điều 6. Gửi quyết định cưỡng chế đến cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, người ra quyết định cưỡng chế phải gửi quyết định cưỡng chế cho cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, cơ quan, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế và cá nhân, tổ chức có liên quan.

Trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp quy định tại điểm b, c và d khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì quyết định cưỡng chế phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế trước khi thi hành để phối hợp thực hiện.

2. Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp, gửi qua bưu điện bằng hình thức gửi bưu phẩm bảo đảm hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế

1. Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

2. Đối với quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, tổ chức hành chính khác ở địa phương, cơ quan được tổ chức theo ngành dọc, địa bàn quản lý của Ủy ban nhân dân cấp dưới hoặc căn cứ lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương để phân công cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Việc phân công cơ quan chủ trì phải trên nguyên tắc vụ việc thuộc lĩnh vực chuyên môn, địa bàn quản lý của cơ quan nào thì giao cơ quan đó chủ trì hoặc để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực địa bàn; trường hợp vụ việc liên quan đến nhiều cơ quan thì căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để quyết định giao cho một cơ quan (có nội dung chủ yếu thuộc lĩnh vực chuyên môn hoặc địa bàn quản lý) chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

Đối với những vụ việc có tính chất phức tạp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định và tổ chức thi hành cưỡng chế trên cơ sở đề xuất của người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân.

3. Trường hợp cần thiết phối hợp, huy động nhiều cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng có liên quan, cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch cưỡng chế trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt.

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ phối hợp với cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc cơ quan được giao chủ trì tổ chức cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thi hành quyết định cưỡng chế. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp phải được quy định cụ thể tại kế hoạch cưỡng chế.

Điều 8. Bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế

1. Lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế khi được phân công hoặc yêu cầu.

Trường hợp có yêu cầu lực lượng Công an nhân dân tham gia bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế thì cơ quan chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế phải gửi văn bản yêu cầu đến cơ quan Công an cùng cấp ít nhất 05 ngày làm việc trước khi thực hiện cưỡng chế để bố trí lực lượng.

2. Khi tham gia cưỡng chế, lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn, ngăn chặn, xử lý các hành vi gây rối, chống người thi hành công vụ tại khu vực thi hành quyết định cưỡng chế.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân có trách nhiệm phân công cơ quan Công an cùng cấp trong quá trình tổ chức thi hành cưỡng chế đối với vụ việc có tính chất phức tạp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

Điều 9. Tạm đình chỉ, đình chỉ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả bị tạm đình chỉ thực hiện khi có quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tổ tụng hành chính hoặc người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải ra quyết định đình chỉ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp sau đây:

a) Cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt tiền hoặc chi trả chi phí khắc phục hậu quả chết, mất tích không để lại di sản hoặc theo

quy định của pháp luật nghĩa vụ của người đó theo bản án, quyết định không được chuyển giao cho người thừa kế;

b) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị hủy bỏ, sửa đổi mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt không phải thi hành quyết định đó nữa;

c) Tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đã giải thể, phá sản không còn tài sản mà theo quy định của pháp luật nghĩa vụ của họ không được chuyển giao cho tổ chức khác;

d) Có quyết định miễn tiền phạt hoặc giảm tiền phạt và cá nhân, tổ chức bị xử phạt đã thi hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đó;

đ) Trường hợp hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Thời hạn ra quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ là 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Việc gửi quyết định tạm đình chỉ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Thời hạn tạm đình chỉ phù hợp với thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP CƯỖNG CHẾ

Mục 1

KHẤU TRỪ MỘT PHẦN LƯƠNG HOẶC MỘT PHẦN THU NHẬP

Điều 10. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập

1. Cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế là cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, người làm việc trong tổ chức Cơ yếu; cá nhân đang làm việc được hưởng tiền lương hoặc thu nhập tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc có thu nhập theo mùa vụ ngắn hạn do hộ gia đình, hộ kinh doanh, người sử dụng lao động thuê.

2. Cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đang được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

Điều 11. Xác minh thông tin về tiền lương và thu nhập

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu cung cấp thông tin và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có) của người có

thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có trách nhiệm cung cấp cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng được hưởng của mình.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng được hưởng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế để làm căn cứ ra quyết định cưỡng chế.

Việc xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế phải được lập thành biên bản xác minh.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn mà cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt yêu cầu cá nhân, tổ chức hoàn trả kinh phí đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định cưỡng chế để tổ chức thi hành có văn bản yêu cầu cá nhân bị cưỡng chế, cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập và các tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có) phải cung cấp thông tin bằng văn bản về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc tổ chức tiến hành xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

4. Cá nhân bị cưỡng chế; cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập và các tổ chức, cá nhân liên quan phải cung cấp thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã cung cấp.

Điều 12. Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, căn cứ vào điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải ra quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân.

Trường hợp người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế tiến hành xác minh cùng lúc về tiền và tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp

cưỡng chế thì thời hạn ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thông tin về tiền và tài sản của cá nhân, tổ chức đảm bảo thi hành quyết định cưỡng chế.

2. Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân phải bao gồm những nội dung cơ bản sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; họ tên, số căn cước công dân/số căn cước, địa chỉ của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập; tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; số tiền bị khấu trừ; lý do khấu trừ; tên, số tài khoản của Kho bạc Nhà nước nhận tiền; thời gian thực hiện; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

Điều 13. Tỷ lệ khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế

Việc khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có thể tiến hành nhiều lần, tỷ lệ như sau:

1. Đối với tiền lương, lương hưu tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, lương hưu thực trả hàng tháng được hưởng sau khi trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với những khoản thu nhập khác, tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng số thu nhập hàng tháng, nhưng phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương, lương hưu hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quyết định cưỡng chế của người ra quyết định cưỡng chế.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đến kỳ lĩnh tiền lương hoặc thu nhập gần nhất, cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương, lương hưu hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế có trách nhiệm khấu trừ một phần lương, lương hưu hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và chuyển số tiền đã khấu trừ đến tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo nội dung ghi trong quyết định cưỡng chế, đồng thời thông báo cho cá nhân bị cưỡng chế và người ra quyết định cưỡng chế biết.

3. Trường hợp chưa khấu trừ đủ số tiền theo quyết định cưỡng chế mà cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đã chấm dứt hợp đồng có hưởng lương hoặc thu nhập thì cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động phải thông báo ngay cho người ra quyết định cưỡng chế biết.

4. Trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập cố tình không phối hợp cung cấp thông tin hoặc không thi hành quyết định cưỡng chế khấu trừ của cơ quan có thẩm quyền thì được xem là có hành vi cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi khấu trừ, cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

Mục 2

KHẤU TRỪ TIỀN TỪ TÀI KHOẢN

Điều 15. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản

Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản là tổ chức, cá nhân không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, không thanh toán hoặc thanh toán chưa đủ kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, chi phí cưỡng chế mà có mở tài khoản hoặc tiền gửi tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam.

Điều 16. Xác minh thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu cung cấp thông tin và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có) của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có trách nhiệm cung cấp cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông tin về tài khoản, tiền gửi của mình tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Việc xác minh thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trực tiếp tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Kho bạc Nhà nước phải được lập thành biên bản xác minh.

2. Trường hợp chưa có thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thì việc xác minh thông tin thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn mà cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt yêu cầu cá nhân, tổ chức hoàn trả kinh phí đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định cưỡng chế để tổ chức thi hành gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có) đề nghị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Kho bạc Nhà nước cung cấp thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

b) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm chuyên thông tin cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có) quy định tại điểm a khoản này.

3. Trường hợp người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nhưng chưa đầy đủ thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có) đến tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi có thông tin tài khoản, tiền gửi đó. Trình tự, thủ tục xác minh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Người được cung cấp thông tin quy định tại Điều này có trách nhiệm bảo mật những thông tin được cung cấp.

5. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm công bố, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước danh sách các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó phải có thông tin: Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính.

Điều 17. Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thông tin về tài khoản, tiền gửi, căn cứ vào điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

2. Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi bao gồm những nội dung cơ bản sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; số tiền bị khấu trừ, lý do khấu trừ; họ tên, số tài khoản, số sổ tiền gửi của cá

nhân, tổ chức bị khấu trừ; yêu cầu phong tỏa tài khoản, tiền gửi; tên, địa chỉ tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi đối tượng bị áp dụng khấu trừ mở tài khoản, số tiền gửi; tên, số tài khoản của Kho bạc Nhà nước nhận số tiền cưỡng chế; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan ra quyết định.

3. Sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế xác minh thông tin về điều kiện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế mở tài khoản, số tiền gửi

1. Cung cấp thông tin về điều kiện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có) của người có thẩm quyền cưỡng chế theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam phải phong tỏa số tiền trong tài khoản, số tiền gửi tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế phải nộp hoặc phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản, số tiền gửi trong trường hợp số dư trong tài khoản, số tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế phải nộp và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế biết việc phong tỏa và trích chuyển số tiền trong tài khoản, số tiền gửi.

3. Ngay sau khi hết thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế biết việc phong tỏa và trích chuyển số tiền trong tài khoản, số tiền gửi, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam phải trích chuyển số tiền phải nộp từ tài khoản, số tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế để nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam không cung cấp thông tin, phong tỏa, trích chuyển tiền từ tài khoản, số tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo yêu cầu, quyết định của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thì được xem là có hành vi cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi thực hiện trích chuyển, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế mở tài khoản, sổ tiền gửi có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

Điều 19. Chấm dứt phong tỏa tài khoản

1. Ngay sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đang quản lý tài khoản, sổ tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế đã thực hiện khấu trừ đủ số tiền theo yêu cầu của người ra quyết định cưỡng chế về khấu trừ tiền trong tài khoản hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thi hành xong quyết định cưỡng chế thì người ra quyết định cưỡng chế phải gửi văn bản đề nghị tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đang quản lý tài khoản, sổ tiền gửi của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế chấm dứt phong tỏa tài khoản, sổ tiền gửi.

2. Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đang quản lý tài khoản, sổ tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thực hiện chấm dứt phong tỏa tài khoản, sổ tiền gửi ngay khi nhận được văn bản đề nghị chấm dứt phong tỏa tài khoản, sổ tiền gửi và thông báo bằng văn bản việc chấm dứt phong tỏa tài khoản, sổ tiền gửi cho người ra quyết định cưỡng chế và cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt phong tỏa tài khoản, sổ tiền gửi.

Mục 3

KÊ BIÊN TÀI SẢN CÓ GIÁ TRỊ TƯƠNG ỨNG VỚI SỐ TIỀN PHẠT ĐỂ BÁN ĐẦU GIÁ

Điều 20. Nguyên tắc kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đầu giá

1. Chỉ được kê biên tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế tương ứng với số tiền đủ để thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế không có tài sản tương ứng với số tiền đủ để thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và dự kiến chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế thì có thể kê biên nhiều tài sản hoặc một tài sản có giá trị lớn hơn tổng số tiền thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức cưỡng chế nếu tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản.

2. Không được kê biên các tài sản quy định tại Điều 21 Nghị định này.
3. Kê biên đồ vật bị khóa, đóng gói được thực hiện như sau:

Khi kê biên đồ vật đang bị khóa hoặc đóng gói thì người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế yêu cầu cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người đang sử dụng, quản lý đồ vật mở khóa, mở gói; nếu họ không mở hoặc cố tình vắng mặt thì người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế tự mình hoặc có thể thuê cá nhân, tổ chức khác mở khóa, phá khóa hoặc mở gói, trong trường hợp này phải có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến. Cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế phải chịu thiệt hại do việc mở khóa, phá khóa, mở gói.

Trường hợp cần thiết, sau khi mở khóa, phá khóa, mở gói, người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế niêm phong đồ vật bị kê biên.

Việc mở khóa, phá khóa, mở gói hoặc niêm phong phải lập biên bản, có chữ ký của người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế, cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và những người liên quan; trường hợp cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế không ký biên bản thì phải có chữ ký của người chứng kiến.

4. Đối với tài sản thuộc diện bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản.

5. Việc kê biên tài sản phải thực hiện vào ban ngày, thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ; không tổ chức kê biên tài sản vào các ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Những tài sản không được kê biên

1. Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu, lợi ích công cộng; vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tài sản có chứa chất phóng xạ; chất cháy, chất độc; tài sản là di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

2. Tài sản sau đây của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế là cá nhân:

- a) Nhà ở duy nhất của cá nhân và gia đình người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về cư trú;
- b) Thuốc chữa bệnh, lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và gia đình họ sử dụng;
- c) Công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt thông thường cần thiết cho cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và gia đình họ sử dụng;
- d) Đồ dùng thờ cúng; di vật, huân chương, huy chương, bằng khen;

đ) Vật dụng cần thiết của người tàn tật, vật dụng dùng để chăm sóc người ốm.

3. Tài sản sau đây của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế là tổ chức:

a) Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn của người lao động;

b) Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh;

c) Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường.

4. Tài sản đang được cầm cố, thế chấp hợp pháp.

Điều 22. Xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn mà cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt yêu cầu cá nhân, tổ chức hoàn trả kinh phí đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định cưỡng chế để tổ chức thi hành có trách nhiệm tổ chức xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế kê biên, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền bị xử phạt, thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Việc xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên phải được lập thành biên bản xác minh.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; tổ chức, cá nhân đang quản lý tài sản và các tổ chức, cá nhân liên quan phải cung cấp thông tin bằng văn bản về tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc tổ chức tiến hành xác minh thông tin về tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

3. Cơ quan đăng ký tài sản, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, cơ quan, đơn vị, tổ chức khác và cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khi nhận được văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế. Trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan không cung cấp thông tin về tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo yêu cầu, quyết định của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thì được xem là có hành vi cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thông tin về tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, căn cứ vào điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế kê biên tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

2. Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản bao gồm những nội dung cơ bản sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị người ra quyết định; họ tên, nơi cư trú, trụ sở của cá nhân, tổ chức bị kê biên tài sản; lý do kê biên tài sản; số tiền bị xử phạt, thi hành biện pháp khắc phục hậu quả, chi phí tổ chức thực hiện cưỡng chế; địa điểm kê biên; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

3. Việc kê biên tài sản phải được thông báo cho cá nhân, tổ chức bị kê biên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bị kê biên hoặc tổ chức có trụ sở đóng trên địa bàn trước khi tiến hành cưỡng chế kê biên ít nhất 05 ngày làm việc, trừ trường hợp việc thông báo sẽ gây trở ngại cho việc tiến hành kê biên.

Điều 24. Tổ chức thi hành cưỡng chế kê biên tài sản

1. Người ra quyết định cưỡng chế hoặc người được phân công thực hiện quyết định cưỡng chế chủ trì thực hiện việc kê biên.

2. Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc cha, mẹ, người giám hộ, đại diện tổ chức bị kê biên tài sản.

Trường hợp cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc đại diện hợp pháp của tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người đồng sở hữu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản bị kê biên vắng mặt thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình.

Nếu cá nhân phải thi hành quyết định cưỡng chế hoặc người thành niên trong gia đình, đại diện tổ chức bị kê biên tài sản cố tình vắng mặt hoặc có mặt nhưng cản trở việc kê biên, thì vẫn tiến hành kê biên tài sản nhưng phải có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc ít nhất 01 người chứng kiến.

3. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có quyền đề nghị kê biên tài sản nào trước, người được giao chủ trì kê biên phải chấp nhận nếu xét thấy đề nghị đó không ảnh hưởng đến việc cưỡng chế.

Nếu cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế không đề nghị cụ thể việc kê biên tài sản nào trước thì tài sản thuộc sở hữu riêng được kê biên trước.

4. Chỉ kê biên những tài sản thuộc sở hữu chung của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế với người khác nếu cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế không có tài sản riêng hoặc tài sản riêng không đủ để thi

hành quyết định cưỡng chế. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

Cơ quan tiến hành kê biên có trách nhiệm thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên, cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho người đồng sở hữu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản bị kê biên để những người này biết và có thể đến tham dự. Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Điều 25. Biên bản kê biên tài sản

1. Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản, trong đó ghi rõ: Thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; họ tên, chức vụ người chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ; người chứng kiến hoặc đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có); mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên.

2. Người chủ trì thực hiện việc kê biên, người đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ, người chứng kiến hoặc đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có) ký tên vào biên bản. Biên bản kê biên tài sản có nhiều trang thì phải ký vào từng trang biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

3. Biên bản kê biên được lập thành 02 bản, cơ quan chủ trì việc kê biên giữ 01 bản, 01 bản giao cho cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị kê biên ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản.

Trường hợp cá nhân hoặc đại diện tổ chức không nhận biên bản kê biên thì lập biên bản ghi nhận lại sự việc, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến, biên bản được coi là đã giao.

Trường hợp cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị kê biên vắng mặt, không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình thì cơ quan chủ trì việc kê biên gửi biên bản kê biên qua đường bưu điện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

Điều 26. Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm

1. Trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật,

người chủ trì việc kê biên có văn bản yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký.

2. Sau khi kê biên, người chủ trì việc kê biên thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký về việc kê biên tài sản đó để xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm trong cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký cho người chủ trì việc kê biên theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện các yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản của người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đăng ký tại cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm ngay sau khi nhận được yêu cầu của người chủ trì kê biên, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế;

c) Thực hiện việc đăng ký hoặc ghi nhận việc chuyển dịch quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất cho người mua được tài sản theo quy định của pháp luật;

d) Thu hồi, sửa đổi, hủy các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đất, giấy tờ đăng ký giao dịch bảo đảm đã cấp cho người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; thực hiện việc cấp mới các giấy tờ phù hợp với quy định của pháp luật về loại tài sản đó.

Điều 27. Kê biên vốn góp

Người chủ trì việc kê biên yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế để kê biên phần vốn góp đó. Trong trường hợp cần thiết, người chủ trì việc kê biên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; trung cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế để cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.

Điều 28. Kê biên tài sản gắn liền với đất

Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó.

Điều 29. Kê biên nhà ở

1. Việc kê biên nhà ở là nơi ở duy nhất của tổ chức, cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và gia đình chỉ được thực hiện nếu nhà ở đó không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định này và sau khi xác định tổ chức, cá nhân đó không có các tài sản khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế, trừ trường hợp người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đồng ý kê biên nhà ở để thi hành quyết định cưỡng chế.

2. Khi kê biên nhà ở phải kê biên cả quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở. Trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác thì người chủ trì việc kê biên chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất nếu người có quyền sử dụng đất đồng ý. Trường hợp người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở của người bị cưỡng chế, nếu việc tách rời nhà ở và đất không làm giảm đáng kể giá trị căn nhà.

3. Khi kê biên nhà ở của người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đang cho thuê, cho ở nhờ thì người chủ trì việc kê biên phải thông báo ngay cho người đang thuê, đang ở nhờ biết, đồng thời thực hiện thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này, cơ quan nhận thông báo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

Trường hợp tài sản kê biên là nhà ở, cửa hàng đang cho thuê được bán đấu giá mà thời hạn thuê hoặc thời hạn lưu cư vẫn còn thì người thuê có quyền tiếp tục được thuê hoặc lưu cư theo quy định của Bộ luật Dân sự.

4. Việc kê biên nhà ở bị khóa được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định này.

Điều 30. Kê biên phương tiện giao thông

1. Trường hợp kê biên phương tiện giao thông của tổ chức, cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người chủ trì việc kê biên yêu cầu người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người đang quản lý, sử dụng phương tiện đó phải giao giấy đăng ký phương tiện đó (nếu có).

2. Đối với phương tiện giao thông đang được khai thác sử dụng thì sau khi kê biên, người chủ trì việc kê biên có thể thu giữ hoặc giao cho người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác sử dụng, bảo quản nhưng không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp.

Trường hợp giao cho người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác sử dụng phương tiện giao thông thì người chủ trì thực hiện việc kê biên cấp cho người đó văn bản xác nhận thu giữ chứng nhận đăng ký xe.

3. Người chủ trì việc kê biên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cầm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc hạn chế tham gia giao thông đối với phương tiện bị kê biên, thông báo cho cơ quan đăng ký phương tiện và các cơ quan liên quan về việc kê biên phương tiện giao thông đó.

4. Việc kê biên đối với tàu bay, tàu biển được thực hiện theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển.

Điều 31. Kê biên hoa lợi

Trường hợp tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế có tài sản mang lại hoa lợi thì tiến hành kê biên hoa lợi đó. Đối với hoa lợi là lương thực, thực phẩm thì khi kê biên, phải để lại một phần để người bị cưỡng chế và gia đình họ sinh sống theo quy định tại điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 21 của Nghị định này.

Điều 32. Giao bảo quản tài sản kê biên

1. Người chủ trì thực hiện kê biên lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:

a) Giao cho người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, thân nhân của người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó bảo quản;

b) Giao cho một trong những đồng sở hữu chung bảo quản nếu tài sản đó thuộc sở hữu chung;

c) Giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản.

2. Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý; đối với hàng lâm sản quý hiếm thì tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý.

3. Khi giao bảo quản tài sản kê biên, người chủ trì thực hiện kê biên phải lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian bàn giao bảo quản; họ và tên người chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế, cá nhân, đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người được giao bảo quản tài sản, người chứng kiến việc bàn giao; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản; quyền và nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản.

Người chủ trì thực hiện kê biên, người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người chứng kiến ký tên vào biên bản. Biên bản có nhiều trang thì phải ký vào từng trang biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Biên bản được giao cho người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người chứng kiến và người chủ trì thực hiện kê biên mỗi người giữ 01 bản.

4. Người được giao bảo quản tài sản được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để bảo quản tài sản, trừ những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Người được giao bảo quản tài sản không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp tài sản đó, trường hợp gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất hoặc hủy hoại tài sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Định giá tài sản kê biên

1. Việc định giá tài sản đã kê biên được tiến hành tại nhà của cá nhân hoặc trụ sở của tổ chức bị kê biên hoặc nơi lưu giữ, bảo quản tài sản bị kê biên, trừ trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá tài sản.

2. Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa người chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế với cá nhân hoặc đại diện tổ chức có tài sản bị kê biên và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung. Thời hạn để các bên thỏa thuận về giá không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên.

Trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản. Hội đồng định giá tài sản gồm có người đã ra quyết định cưỡng chế là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng định giá tài sản phải tiến hành việc định giá. Việc định giá tài sản dựa trên giá thị trường tại thời điểm định giá. Đối với tài sản mà Nhà nước định giá thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do Nhà nước quy định.

Hội đồng định giá tài sản làm việc theo nguyên tắc tập thể. Cuộc họp định giá tài sản của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập và phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Trong cuộc họp định giá, mỗi thành viên của Hội đồng định giá tài sản phát biểu ý kiến của mình về giá trị của tài sản. Các quyết định về giá tài sản phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền điều hành cuộc họp định giá tài sản. Cá nhân bị kê biên hoặc đại diện tổ chức có tài sản bị kê

biên được tham gia ý kiến vào việc định giá, nhưng quyền quyết định giá thuộc Hội đồng định giá tài sản.

3. Việc định giá tài sản phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành định giá, thành phần những người tham gia định giá, căn cứ để định giá, tên và trị giá tài sản đã được định giá, chữ ký của các thành viên tham gia định giá và của chủ tài sản.

Điều 34. Chuyển giao tài sản đã kê biên để đấu giá

1. Đối với tài sản bị kê biên để đấu giá, giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Điều 33 Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên (trường hợp tài sản bị kê biên là tài sản đang tranh chấp thì thời hạn là 30 ngày), người đã ra quyết định cưỡng chế ký hợp đồng đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi có tài sản bị kê biên để bán đấu giá; trường hợp không ký được hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thì thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản.

Việc bán đấu giá tài sản bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

2. Sau khi đã ký hợp đồng bán đấu giá tài sản, người chủ trì thực hiện kê biên tiến hành chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá. Việc chuyển giao phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ: Thời gian bàn giao; người bàn giao, người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng tài sản. Hồ sơ bàn giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá bao gồm: Quyết định cưỡng chế kê biên; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tài sản và biên bản bàn giao tài sản đó.

3. Trong trường hợp tài sản kê biên là hàng hóa công kênh hoặc có số lượng lớn mà cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá không có nơi cất giữ tài sản thì sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển giao có thể ký hợp đồng bảo quản tài sản với nơi đang giữ tài sản đó. Chi phí cho việc thực hiện hợp đồng bảo quản được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được sau khi bán đấu giá.

4. Đối với tài sản thuộc sở hữu chung, khi bán đấu giá thì ưu tiên bán cho người đồng sở hữu trước.

5. Trường hợp số tiền bán đấu giá tài sản nhiều hơn số tiền ghi trong quyết định xử phạt và chi phí cho việc cưỡng chế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bán đấu giá, cơ quan thi hành biện pháp cưỡng chế kê

biên tài sản bán đấu giá làm thủ tục trả lại phần chênh lệch cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế. Việc trả lại phần chênh lệch cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải lập thành biên bản.

Điều 35. Chuyển giao quyền sở hữu tài sản

1. Người mua tài sản kê biên được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản đó.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người mua theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ chuyển quyền sở hữu gồm có:

- a) Bản sao quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản để đấu giá;
- b) Biên bản đấu giá tài sản;
- c) Các giấy tờ khác liên quan trực tiếp đến tài sản kê biên để đấu giá (nếu có).

Mục 4

THU TIỀN, TÀI SẢN KHÁC CỦA ĐỐI TƯỢNG BỊ CƯỠNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH DO CÁ NHÂN, TỔ CHỨC KHÁC ĐANG GIỮ TRONG TRƯỜNG HỢP CÁ NHÂN, TỔ CHỨC SAU KHI VI PHẠM CÓ TÌNH TẮU TÁN TÀI SẢN

Điều 36. Điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm có tình tẩu tán tài sản

Việc cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác (sau đây gọi chung là bên thứ ba) đang giữ được áp dụng khi người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có căn cứ xác định bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Điều 37. Xác minh thông tin về tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ

1. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm xác minh thông tin về tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản do bên thứ ba đang giữ và chứng minh được hành vi cố tình tẩu tán tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế sau khi vi phạm.

Việc xác minh thông tin về tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ phải được lập thành biên bản xác minh.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và hành vi tẩu tán của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan ra quyết định cưỡng chế.

Điều 38. Trách nhiệm của bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế

1. Cung cấp cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông tin về số tiền, tài sản đang giữ của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khi có yêu cầu.

2. Khi nhận được văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, không được chuyển trả tiền, tài sản cho đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cho đến khi thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước hoặc chuyển giao tài sản cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế để làm thủ tục bán đấu giá. Trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan không chấp hành yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thì được coi là hành vi cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp bên thứ ba không thực hiện yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc tẩu tán tiền, tài sản đang giữ của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản

Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản bao gồm những nội dung cơ bản sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức đang giữ tiền, tài sản; số tiền, tài sản bị thu; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

Điều 40. Tổ chức thi hành cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản

1. Trước khi tiến hành cưỡng chế, nếu bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế tự nguyện thi hành quyết định cưỡng chế thì cơ quan chủ trì cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện thi hành.

2. Khi cưỡng chế để thu tiền, tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản phải có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến.

3. Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế; cơ quan chủ trì tiến hành cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức đang giữ tiền, tài sản; đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành cưỡng chế hoặc người chứng kiến; số tiền, tài sản và tình trạng tài sản bị thu.

4. Cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế; cá nhân, đại diện tổ chức đang giữ tiền, tài sản; đại diện cơ quan ra quyết định cưỡng chế, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến ký vào biên bản. Biên bản có nhiều trang thì phải ký vào từng trang biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

5. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, cá nhân, đại diện tổ chức đang giữ tiền, tài sản cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến.

6. Biên bản được lập thành ít nhất 02 bản, cơ quan ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản giao cho cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản.

Mục 5

BUỘC THỰC HIỆN BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 41. Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

1. Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm những nội dung sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của

cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện; số tài khoản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; thời gian hoàn thành cưỡng chế; cá nhân, cơ quan có trách nhiệm chủ trì tổ chức các hoạt động cưỡng chế; cơ quan có trách nhiệm tham gia; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

2. Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả phải được thông báo rõ ràng và đầy đủ đến cá nhân hoặc tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cũng như các cơ quan, tổ chức tham gia cưỡng chế để đảm bảo việc thực hiện đúng quy định pháp luật.

Điều 42. Tổ chức thi hành cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

1. Khi nhận được quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cá nhân, tổ chức được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải phối hợp với các cơ quan có liên quan huy động lực lượng, phương tiện để thực hiện biện pháp đã ghi trong quyết định.

2. Trước khi tiến hành cưỡng chế, nếu cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế tự nguyện thi hành thì cơ quan chủ trì cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện thi hành.

3. Khi thực hiện cưỡng chế để thi hành biện pháp khắc phục hậu quả có thể mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến.

4. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến.

5. Trường hợp cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế về việc phá dỡ, di chuyển công trình xây dựng trái phép hoặc bàn giao đất mà trong công trình và trên đất đó có tài sản không thuộc diện phải cưỡng chế thì người tổ chức cưỡng chế có quyền buộc cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế và những người khác có mặt trong công trình ra khỏi công trình hoặc khu vực đất, đồng thời yêu cầu họ tự chuyển tài sản ra theo. Nếu họ không tự nguyện thực hiện thì người tổ chức cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi công trình hoặc khu vực đất đó.

Nếu họ từ chối nhận tài sản, người tổ chức cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản và thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trông giữ, bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan ra quyết định cưỡng chế và thông báo địa điểm, thời gian để cá nhân, tổ chức có tài sản nhận lại tài sản. Cá nhân, tổ chức có tài sản phải chịu các chi phí vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản.

Quá thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo đến nhận tài sản mà cá nhân, tổ chức có tài sản không đến nhận thì tài sản đó được bán đấu giá theo quy định của pháp luật. Số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, trông giữ, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng và thông báo cho cá nhân, tổ chức có tài sản biết để nhận khoản tiền đó. Đối với tài sản hư hỏng và không còn giá trị, người tổ chức cưỡng chế tổ chức tiêu hủy theo quy định của pháp luật. Người tổ chức cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ hiện trạng của tài sản trước khi tiêu hủy.

6. Trường hợp cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật mà người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế chưa thực hiện được ngay thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng một trong các biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 43. Biên bản thi hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc thi hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả phải được lập biên bản và giao cho người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế một bản. Biên bản phải ghi rõ các nội dung sau: Thời gian và địa điểm tiến hành cưỡng chế, cơ quan chủ trì tiến hành cưỡng chế; thông tin cá nhân hoặc tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến; cơ quan phối hợp cưỡng chế (nếu có); kết quả thực hiện các biện pháp cưỡng chế và tình trạng thực tế của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; yêu cầu cụ thể đối với các biện pháp khắc phục hậu quả tiếp theo (nếu còn cần thiết).

2. Cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, đại diện cơ quan ra quyết định cưỡng chế, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến, đại diện cơ quan phối hợp cưỡng chế (nếu có) ký vào biên bản. Biên bản có nhiều trang thì phải ký vào từng trang biên bản. Trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký, điểm chỉ vào biên bản thì việc đó phải ghi rõ vào biên bản và nêu rõ lý do cụ thể.

3. Biên bản được lập thành ít nhất 02 bản, cơ quan ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản giao cho cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản. Trong trường hợp cần thiết, có thể lập thêm các bản sao để phục vụ cho quá trình giám sát, kiểm tra hoặc báo cáo.

Chương III

BẢO ĐẢM THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ

Điều 44. Các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế

1. Khi có quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, nếu có dấu hiệu cho thấy cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có hành vi tẩu tán hoặc làm hư hại tiền bạc, tài sản thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú hoặc công tác, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở thực hiện biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tiền bạc, tài sản. Các biện pháp phong tỏa gồm:

- a) Phong tỏa tài khoản, tiền gửi ngân hàng;
- b) Niêm phong tài sản;
- c) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật để bảo đảm tài sản không bị tẩu tán.

2. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có hành vi chống đối không thi hành quyết định cưỡng chế sau khi đã vận động, giải thích, thuyết phục mà không có hiệu quả, người ra quyết định cưỡng chế có quyền huy động lực lượng, phương tiện để bảo đảm thi hành cưỡng chế. Các biện pháp cụ thể có thể bao gồm:

- a) Huy động lực lượng an ninh, cảnh sát;
- b) Bổ sung phương tiện kỹ thuật, công nghệ để hỗ trợ việc cưỡng chế;
- c) Sử dụng các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đang bị cưỡng chế, người đại diện cho tổ chức đang bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

4. Các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, tôn trọng quyền con người và không được làm phát sinh các hành vi xâm phạm lợi ích hợp pháp của các cá nhân hoặc tổ chức khác.

Điều 45. Chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế để bảo đảm thi hành

1. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định cưỡng chế tại nơi thực hiện hành vi vi

phạm, thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế cùng cấp nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú hoặc tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở để tổ chức thi hành. Nếu nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú hoặc nơi tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở không có cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế cùng cấp, thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức thi hành.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thuộc phạm vi một tỉnh ở địa bàn miền núi, hải đảo hoặc những vùng xa xôi, hẻo lánh khác mà việc đi lại gặp khó khăn và cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không có điều kiện chấp hành tại nơi bị ra quyết định cưỡng chế thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở để tổ chức thi hành.

2. Cơ quan chuyển việc thi hành cưỡng chế có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cho cơ quan tiếp nhận ở địa phương nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú hoặc tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở để tổ chức thi hành. Hồ sơ phải bao gồm:

- a) Quyết định cưỡng chế;
- b) Các tài liệu, bằng chứng liên quan đến vụ việc;
- c) Biên bản và các tài liệu khác đã lập trong quá trình xử lý vụ việc.

3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cưỡng chế sẽ tiến hành các bước sau:

- a) Xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ và thông báo lại cho cơ quan chuyển hồ sơ;
- b) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo chuyển và hồ sơ vụ việc, cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cư trú hoặc nơi tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đóng trụ sở có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế theo đúng quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế tại địa phương nơi tiếp nhận, cơ quan tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế có thể:

- a) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương để bảo đảm việc thi hành quyết định cưỡng chế được thực hiện hiệu quả và đúng quy định pháp luật;
- b) Thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo đúng thủ tục và điều kiện đã được quy định tại Nghị định này.

5. Sau khi thi hành xong quyết định cưỡng chế, cơ quan tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải lập biên bản và thông báo kết quả thực hiện đến cơ quan đã chuyển hồ sơ cưỡng chế, đồng thời lưu trữ hồ sơ vụ việc theo quy định.

Điều 46. Cưỡng chế đối với cá nhân, tổ chức vừa bị áp dụng các hình thức xử phạt vừa bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả

1. Trường hợp cá nhân, tổ chức vừa không chấp hành các hình thức xử phạt, vừa không chấp hành một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả, thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế quy định tại Chương II của Nghị định này hoặc cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trước, rồi sau đó mới cưỡng chế thi hành các hình thức xử phạt, hoặc từng hình thức xử phạt cụ thể đối với cá nhân, tổ chức đó. Cụ thể:

a) Biện pháp cưỡng chế phải được áp dụng thích đáng với từng tình huống cụ thể, đảm bảo tính công bằng và hiệu quả.

b) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải lập kế hoạch chi tiết cho việc cưỡng chế, đảm bảo các bước tiến hành đúng quy định pháp luật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.

2. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính chỉ chấp hành các hình thức xử phạt mà không chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả hoặc chỉ chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả mà không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại Mục 1, 2, 3, 4 Chương II hoặc Mục 5 Chương II Nghị định này đối với cá nhân, tổ chức đó. Các biện pháp cưỡng chế cụ thể bao gồm:

a) Biện pháp cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính;

b) Biện pháp cưỡng chế khắc phục hậu quả.

3. Trong mọi trường hợp, việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo tính minh bạch và tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế. Đồng thời, các cơ quan chức năng phải phối hợp chặt chẽ với nhau để đảm bảo việc cưỡng chế được thực hiện hiệu quả và chính xác.

4. Người ra quyết định cưỡng chế phải chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá quá trình thi hành cưỡng chế, lập biên bản ghi nhận kết quả và thông báo tới các bên liên quan về các biện pháp đã thực hiện và kết quả cuối cùng.

Điều 47. Quyết định về việc chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt

1. Trường hợp đã tiến hành xác minh mà có căn cứ xác định chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế ban hành quyết định về việc chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người phải thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người đó, người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng và không có tài sản để cưỡng chế thi hành hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản không đủ hoặc chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế hoặc tài sản thuộc trường hợp không được kê biên;

b) Tổ chức, hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác, cộng đồng dân cư bị cưỡng chế không có tài sản để cưỡng chế thi hành hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản không đủ hoặc chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế hoặc tài sản thuộc trường hợp không được kê biên;

c) Chưa xác định được địa chỉ, nơi cư trú của người phải thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khi đã thực hiện tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ban hành quyết định về việc chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được 06 tháng, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thực hiện xác minh lần thứ nhất. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thực hiện xác minh lần thứ nhất được 06 tháng, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thực hiện xác minh lần thứ hai. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc xác minh lần thứ hai mà vẫn xác định chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế ban hành quyết định chấm dứt việc cưỡng chế.

3. Khi có thông tin mới về điều kiện cưỡng chế thi hành, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải tổ chức xác minh lại kịp thời. Nếu sau khi xác minh có đủ điều kiện cưỡng chế thi hành, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế sẽ hủy bỏ quyết định chấm dứt việc cưỡng chế để tiếp tục thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Chương IV

CHI PHÍ CƯỖNG CHẾ

Điều 48. Xác định chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với mức giá ở từng địa phương.

2. Chi phí cưỡng chế bao gồm:

- a) Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế;
- b) Chi phí thù lao cho các chuyên gia định giá để tổ chức đấu giá, chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản;
- c) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản;
- d) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên;
- đ) Chi phí thực tế khác (nếu có).

Điều 49. Nguyên tắc quản lý chi phí cưỡng chế

1. Đối tượng bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cưỡng chế quy định tại Điều 48 Nghị định này.

2. Đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm nộp toàn bộ chi phí cưỡng chế cho cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế.

3. Đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện nộp hoặc nộp chưa đủ chi phí hoặc nộp chậm thời hạn theo thông báo của cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế có quyền ban hành tiếp quyết định cưỡng chế để thu hồi chi phí cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại Nghị định này.

Điều 50. Mức chi chi phí cưỡng chế

1. Chi bồi dưỡng cho những người được huy động trực tiếp tham gia cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế:

a) Cán bộ, công chức của cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế được huy động thực hiện cưỡng chế, lực lượng Công an, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Dân quân tự vệ, đại diện Ủy ban nhân dân trực tiếp tham gia cưỡng chế: Người chủ trì mức 300.000 đồng/người/ngày tham gia cưỡng chế, đối tượng khác mức 200.000 đồng/người/ngày tham gia cưỡng chế.

b) Đại diện tổ dân phố, trưởng thôn và các đối tượng khác được người ra quyết định cưỡng chế huy động tham gia cưỡng chế: 200.000 đồng/người/ngày tham gia cưỡng chế.

2. Các chi phí quy định tại Điều 48 Nghị định này được thực hiện căn cứ vào hợp đồng, thanh lý hợp đồng, biên bản bàn giao tài sản kê biên (đối với chi phí bảo quản tài sản kê biên quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48 Nghị định này), phương án cưỡng chế có số người được huy động hoặc danh sách lực lượng tham gia phục vụ cưỡng chế, hoá đơn, chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành, phù hợp với giá cả trên địa bàn trong cùng thời kỳ và được người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt.

Điều 51. Tạm ứng chi phí cưỡng chế

1. Trước khi tổ chức việc cưỡng chế, người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt dự trù chi phí cưỡng chế. Dự trù chi phí cưỡng chế được lập căn cứ vào biện pháp cưỡng chế cần áp dụng, thời gian, địa điểm cưỡng chế, phương án tiến hành cưỡng chế, lực lượng tham gia (số lượng, thành phần tham gia) phục vụ cho cưỡng chế.

Dự trù chi phí cưỡng chế sau khi được phê duyệt phải được gửi cho đối tượng bị cưỡng chế 01 bản cùng với quyết định cưỡng chế để nộp chi phí cưỡng chế (văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm xử phạt, số tiền phải thanh toán, địa chỉ thanh toán bằng tiền mặt hoặc số tài khoản nếu thanh toán bằng chuyển khoản và các thông tin cần thiết khác).

2. Trường hợp chưa thu được chi phí cưỡng chế từ đối tượng bị cưỡng chế do đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện nộp, căn cứ dự trù chi phí cưỡng chế được phê duyệt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế tạm ứng chi phí cưỡng chế từ dự toán kinh phí cưỡng chế của cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế. Mức tạm ứng tối đa bằng mức dự trù chi phí được duyệt của cuộc cưỡng chế trong phạm vi dự toán kinh phí cưỡng chế được giao của cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế.

Hồ sơ tạm ứng bao gồm dự toán năm được cấp có thẩm quyền giao và giấy rút dự toán ngân sách (tạm ứng) theo quy định.

Điều 52. Hoàn trả tạm ứng chi phí cưỡng chế

1. Khi kết thúc việc thi hành quyết định cưỡng chế, người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt quyết toán chi phí cưỡng chế. Cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm gửi quyết toán chi phí cưỡng chế được phê duyệt cho đối tượng bị cưỡng chế (trường hợp đối tượng bị cưỡng chế đã nộp chi phí cưỡng chế).

2. Trường hợp đã thực hiện tạm ứng chi phí cưỡng chế theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định này, căn cứ quyết toán chi phí cưỡng chế được phê duyệt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thông báo bằng văn bản về quyết toán chi phí cưỡng chế được phê duyệt gửi cho đối tượng bị cưỡng chế để nộp chi phí cưỡng chế (văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm xử phạt, số tiền phải thanh toán, địa chỉ thanh toán bằng tiền mặt hoặc số tài khoản nếu thanh toán bằng chuyển khoản và các thông tin cần thiết khác).

Chậm nhất 10 ngày từ khi nhận được thông báo quyết toán chi phí cưỡng chế được phê duyệt, đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm nộp chi phí cưỡng chế cho cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế. Khi thu được tiền từ đối tượng bị cưỡng chế, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế phải làm thủ tục hoàn trả ngay khoản tiền đã tạm ứng chi cưỡng chế cho cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế để hoàn ứng cho ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp thu được tiền chi phí cưỡng chế từ tiền bán đấu giá tài sản theo quy định tại Mục 3, Mục 4 Chương II Nghị định này, sau khi đã đảm bảo thực hiện đầy đủ các khoản tiền xử phạt vi phạm hành chính thì cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thực hiện hoàn trả chi phí cưỡng chế cho cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế đã thực hiện nộp chi phí cưỡng chế thì cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế trả lại số tiền chi phí cưỡng chế từ bán đấu giá tài sản cho đối tượng bị cưỡng chế.

4. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế hoặc hoàn trả chậm thời hạn theo thông báo của cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế bằng các biện pháp cưỡng chế quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5. Trường hợp không có khả năng thu hồi chi phí cưỡng chế do đối tượng bị cưỡng chế bị chết, mất tích (đối với cá nhân) hoặc bị phá sản, giải thể (đối với tổ chức) mà không còn tiền, tài sản để nộp chi phí cưỡng chế và không có tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế báo cáo người ra quyết định cưỡng chế theo quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Định kỳ hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, người ra quyết định cưỡng chế báo cáo việc sử dụng kinh phí tạm ứng để thực hiện việc cưỡng chế bao gồm: Số kinh phí đã tạm ứng, số kinh phí đã thu hồi được; số kinh phí chưa thu hồi được, số kinh phí không có khả năng thu hồi (nếu có); nguyên nhân chưa thu hồi và kiến nghị với cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp.

Hồ sơ về hoàn tạm ứng chi phí cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định này và quy định của pháp luật hiện hành về hoàn tạm ứng dự toán.

Điều 53. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán

1. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Kinh phí cưỡng chế được giao vào phần kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ trong dự toán hàng năm của cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế.

2. Cuối năm, đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán, xử lý số dư dự toán chưa sử dụng, số dư tạm ứng chi phí cưỡng chế còn lại trong phạm vi dự toán năm của cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 55. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với quyết định cưỡng chế đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế còn khiếu nại, thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

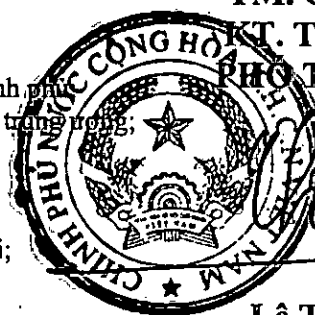
Điều 56. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). 70



TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Thành Long